TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Bà Hoàng Thị Chính.

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính-Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huy Cường -Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 848/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 924/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: T10, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy T; địa chỉ: T10, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ghi ngày 01-8-2019, các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, chị kết hôn với anh Nguyễn Duy T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại t10, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đôi bên không hợp nhau về tính cách, tâm lý và bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau trong đời sống tình cảm; anh T có quan hệ tình

cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng nên mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Hai bên gia đình và bạn bè đã động viên khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 03-9-2013 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 23-01-2015. Chị H đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Huế không đề nghị Tòa án giải quyết; về tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Duy T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Duy T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị H.

Tại phiên toà:

Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị H có nội dung chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy T và đề nghị Tòa án giao hai con chung là Phạm Duy A và Phạm Duy K cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ do tòa án thu thập.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các điều 70, 72 và 199 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51,56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu càu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Duy T; về con chung: Đề nghị giao hai con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 03-9-2013 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 23-01-2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị H và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh Nguyễn Duy T và đề nghị giải quyết việc nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Duy T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại số t10, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Duy T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Thắng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Duy T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Duy T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng ngày 31-12-2010 (Chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01/2010), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại t10, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, nghi ngờ lẫn nhau trong đời sống tình cảm, thiếu tôn trọng nhau, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thẫu gia đình ngày càng căng thẳng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Duy T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 03-9-2013 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 23-01-2015. Chị H có quan điểm được nuôi cả hai con chung, anh T không có lời khai nên không có quan điểm về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét chi H có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chu đáo. Hiện tại các con chung đang ở cùng với chị H. Gia đình chị H cam kết hỗ trợ, giúp đỡ về mọi mặt để tạo điều kiện cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy quan điểm

của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy đinh của pháp luật nên chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy T đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

2. Về việc nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Duy A, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 23 tháng 01năm 2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu

tiền số 0007303 ngày 05-8-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng nên không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường H, quận D;
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Tỉnh